

**Lớp Phật Pháp Buddhaddhamma**  
**Môn học: TƯƠNG ƯNG BỘ – SAMYUTTANIKĀYA**

**Bài học ngày 16.8.2022**

---

**DẬP TẮT LỬA DỤC VỌNG**  
**Kinh Với Tôn Giả Ānanda (Ānandasuttaṃ)**  
**CHƯƠNG VIII. TƯƠNG ƯNG TRƯỞNG LÃO VAṄĪSA (S. i, 188)**

*Khi hưởng thụ dục lạc khó thấy sự nhiệt não của lòng dục. Khởi tâm ham muốn mà phải tự chế thì mới thấy sự thiêu đốt của dục vọng. Dập tắt ngọn lửa này cần đến công phu tu tập chứ không phải chỉ lý thuyết đơn thuần. Định, niệm, và tuệ đều hữu ích để ứng phó dục vọng với sự tùy quán vô thường, khổ não, vô ngã, bất tịnh. Bài kinh này cũng cho thấy đối với sự ham muốn dục lạc, hay nhục dục nói riêng, thì thân quán niệm xử rất đặc dụng. Nói chi tiết hơn là quán bất tịnh đối với thân.*



**Kinh Văn**

**Ekam samayaṃ āyasmā ānando sāvattiyam viharati jetavane anāthapiṇḍikassa ārāme. Atha kho āyasmā ānando pubbaṇhasamayam nivāsetvā pattacivaramādāya sāvattim piṇḍāya pāvisi āyasmatā vaṅgīsenā pacchāsamaṇena. Tena kho pana samayena āyasmato vaṅgīsassa anabhirati uppannā hoti, rāgo cittaṃ anuddhamseti.**

Thưa ấy tôn giả Ānanda trú ở Sāvatti, tại Jetavana – ngôi già lam do ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc) (dâng cúng).

Một sáng, tôn giả Ānanda đắp y, cầm bát và y kẹp vào thành Sāvatti khát thực với tôn giả Vaṅgīsa đồng hành.

Bấy giờ Tôn giả Vaṅgīsa khởi sanh dục niệm khiến tâm khó chịu.

**Atha kho āyasmā vaṅgīso āyasmantaṃ ānandaṃ gāthāya ajjhabhāsi –**

**“Kāmarāgena ḍayhāmi, cittaṃ me pariḍayhati;  
Sādhu nibbāpanaṃ brūhi, anukampāya gotamā”ti.**

Rồi Tôn giả Vaṅgīsa nói với Tôn giả Ānanda bằng kệ ngôn:

“Khát dục nung cháy con  
Tâm con bị thiêu đốt  
Đệ tử Đức Cồ Đàm  
Bị mẫn dạy pháp tu.

(Tôn giả Ānanda):

**“Saññāya vipariyesā, cittaṃ te pariḍayhati;  
Nimittaṃ parivajjehi, subhaṃ rāgūpasamhitam.**

**“Saṅkhāre parato passa, dukkhato mā ca attato;  
Nibbāpehi mahārāgam, mā ḍayhittho punappunam.**

**“Asubhāya cittaṃ bhāvehi, ekaggam susamāhitam;  
Sati kāyagatā tyatthu, nibbidābahulo bha.**

**“Animittañca bhāvehi, mānānusayamujjaha;  
Tato mānābhisamayā, upasanto carissasī”ti.**

“Chính do bởi vọng tưởng  
Tâm Người bị thiêu đốt  
Đừng nghĩ tới hảo tướng  
Vốn làm tăng lòng dục.

“Nhìn hữu vi khách thể  
Là khổ luy, vô ngã  
Dập tắt lửa khát dục  
Không cháy đi cháy lại.

“Rèn tâm quán bất tịnh  
Chuyên chú, khéo định tĩnh  
Ứng dụng thân quán niệm  
Với yêm ly buông xả.

“Trụ tâm ở vô tướng  
Từ bỏ mọi kiêu mạn  
Nhờ quán triệt ngã chấp  
Người sẽ được an tịnh.



## Thích nghĩa

*Theo Sớ Giải thì sự kiện trong bài kinh này xảy ra khi Tôn Giả Ānanda, do lời thỉnh cầu, vào hoàng cung để dạy Phật pháp cho các cung phi. Tôn giả Ānanda dẫn theo tân tỳ khuru Vaṅgīsa cùng đi theo luật định. Tỳ khuru Vaṅgīsa nhìn thấy những phi tần nhan sắc mỹ miều trong xiêm y đẹp đẽ nên bị lòng dục chi phối.*

*Hai câu Sādhū nibbāpanaṃ brūhi, anukampāya gotamā’ ti (lành thay Đệ tử Đức Gotama vì bi悯 dạy pháp tịch tịnh) được hiểu hai cách: dạy pháp dập tắt lửa dục và dạy cách chứng ngộ niết bàn.*

*5 bài kệ Tôn giả Ānanda nói lên ở đây là một kết nối của một số Phật ngôn mà Đức Thế Tôn dạy cho tôn giả Rahula và một kệ ngôn của Tôn giả Mahāmoggallāna (Mục Kiên Liên). Những kệ ngôn này được tìm thấy nhiều nơi trong Kinh Tạng.*

*Cụm từ Saññāya vipariyesā – vọng tưởng hay điên đảo vọng tưởng – chỉ cho bốn chấp thủ: vô thường cho là thường, khổ não cho là hạnh phúc, vô ngã cho là ngã sở, bất tịnh cho là hảo tướng.*

*Theo Sớ giải, cụm từ “Saṅkhāre parato passa” thấy pháp hữu vi là khách thể là quán chiếu vô thường. Chỉ có cái nhìn khách quan mới thấy rõ sanh diệt. Do mê chấp “đây là ta, là của ta, là tự ngã của ta” nên mê lầm không thấy được sự tập khởi và hoại diệt.*

*Vô tướng – animitta, theo Sớ Giải, là cách quán chiếu theo minh sát (vipassanā) hàm nghĩa là không lấy một hiện tượng mà cho là toàn bộ thực thể. Sự thật là tất cả hiện hữu đều là một dòng chảy kết nối những trạng thái sanh diệt nối tiếp. Thí dụ hoa hồng không phải chỉ là hình ảnh hoa lúc mãn khai mà là một tiến trình từ lúc kết nụ đến phai tàn. Hình ảnh đẹp nhất chỉ là một thời điểm đến rồi đi trong tiến trình đó chứ không phải là tất cả.*

**Tỳ khuru Giác Đăng dịch và biên soạn giáo trình**

## 4. Ānandasuttaṃ [Mūla]

212. Ekam samayaṃ āyasmā ānando sāvattthiyaṃ viharati jetavane anāthapiṇḍikassa ārāme. Atha kho āyasmā ānando pubbaṅhasamayaṃ nivāsetvā pattacīvaramādāya sāvattthiṃ piṇḍāya pāvīsi āyasmatā vaṅgīsenā pacchāsamaṇena. Tena kho pana samayena āyasmato vaṅgīsassa anabhirati uppannā hoti, rāgo cittaṃ anuddhamseti. Atha kho āyasmā vaṅgīso āyasmantaṃ ānandaṃ gāthāya ajjhabhāsi –

“Kāmarāgena ḍayhāmi, cittaṃ me pariḍayhati;  
Sādhu nibbāpanaṃ brūhi, anukampāya gotamā”’ti.

“Saññāya vipariyesā, cittaṃ te pariḍayhati;  
Nimittaṃ parivajjehi, subhaṃ rāgūpasamhitam.

“Saṅkhāre parato passa, dukkhato mā ca attato;  
Nibbāpehi mahārāgaṃ, mā ḍayhittho punappunaṃ.

“Asubhāya cittaṃ bhāvehi, ekaggaṃ susamāhitam;  
Sati kāyagatā tyatthu, nibbidābahulo bha.

“Animittaṅca bhāvehi, mānānusayamujjaha;  
Tato mānābhisamayā, upasanto carissasī”’ti.

## 4. Ānandasuttavaṇṇanā [Aṭṭhakathā]

212. Catutthe rāgoti āyasmā ānando mahāpuñño sambhāvito, taṃ rājarājamahāmattādayo nimantetvā antonivesane nisīdāpentī. Sabbālaṅkārapaṭimaṇḍitāpi itthiyo theram upasaṅkamitvā vanditvā tālavaṇṇena bījenti, upanisīditvā pañhaṃ pucchanti dhammaṃ suṇanti. Tattha āyasmato vaṅgīsassa navapabbajitassa ārammaṇaṃ pariggahetuṃ asakkontassa itthirūpārammaṇe rāgo cittaṃ anuddhamseti. So saddhāpabbajitattā ujujātiko kulaputto “ayaṃ me rāgo vaḍḍhitvā diṭṭhadhammikasamparāyikaṃ atthaṃ nāseyyā”’ti cintetvā anantaraṃ nisinnova therassa attānaṃ āvikaronto kāmarāgenātiādīmāha.

Tattha nibbāpananti rāganibbānakāraṇaṃ. Vipariyesāti vipallāsena. Subhaṃ rāgūpasañhitanti rāgaṭṭhāniyaṃ itṭhārammaṇaṃ. Parato passāti aniccato passa. Mā ca attatoti attato mā passa. Kāyagatā tyatthūti kāyagatā te atthu. Animittaṅca bhāvehīti niccādīnaṃ nimittānaṃ ugghāṭitattā vipassanā animittā nāma, taṃ

bhāvehīti vadati. **Mānābhisamayāti** mānassa dassanābhisamayā ceva  
pahānābhisamayā ca. **Upasantoti** rāgādisantatāya upasanto. Catuttham.